

Bản án số: 99/2022/HS-ST
Ngày 30-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liềng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 24/3/2022 đối với các bị cáo:

1/ Tạ Thị T, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số 6/275, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 41, đường số 3, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Tạ Văn B, sinh năm 1949 và bà Trần Thị N, sinh năm 1954; bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1985; bị cáo không có chồng; có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2021. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Lê Giảng C, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Nam; thường trú: Thôn 9, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Số 5, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Doãn C (không rõ năm sinh) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967; bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999; có vợ tên Phạm Thị H, sinh năm 1996; có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền

án, tiền sự: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2021. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người chứng kiến: Anh Lê Công H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Giảng C và Tạ Thị T quen biết nhau ngoài xã hội. Khoảng 6 giờ 00 phút ngày 10/8/2021, C đang ở nhà trọ tại số 5, đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì Tạ Thị T đến mua khoai lang. C nhờ T làm 01 lần 03 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 giả với giá 300.000đ. Sau đó, C dùng điện thoại Samsung A11 chụp hình chứng minh nhân của C gửi qua Zalo cho T để T lấy thông tin. Khoảng 15 giờ cùng ngày, có 01 người thanh niên Shipper (không rõ nhân thân) đến mua rau, muối của T. T nhờ người thanh niên làm giấy xét nghiệm Covid-19 giả, sau đó T mở zalo để người thanh niên chụp lại màn hình có chứng minh nhân của C để làm giấy xét nghiệm giả và hẹn T 01 ngày sẽ có. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 11/8/2021, C đến nhà T ở khu phố T, phường D để lấy giấy xét nghiệm Covid -19 giả. Do bận công việc nên T không đi lấy được, T đưa cho C số điện thoại của người thanh niên Shipper để C tự đi lấy. Sau đó, C đi grab đến đường N, khu phố T, phường T, thành phố D gặp 01 người phụ nữ (không rõ nhân thân) lấy 03 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 giả. C lấy ra xem thì 01 tờ bị rơi vào nước nhòe mực dấu, còn 02 tờ C bỏ vào trong túi quần để sử dụng. Sau đó, C đưa cho T 300.000đ, ngày hôm sau người thanh niên shipper đến mua rau, T đưa cho người thanh niên 300.000đ, người thanh niên trả công cho T 100.000đ. Ngày 12/8/2021, C đi giao hàng cho khách, khi đến chốt kiểm dịch tại đường N, khu phố T, phường D thì bị tổ kiểm dịch yêu cầu xuất trình giấy xét nghiệm. C lấy 01 tờ xét nghiệm đề ngày 13/8/2021 xuất trình cho tổ kiểm dịch thì phát hiện ghi sai ngày nên đã báo Công an phường D xuống làm việc. Qua làm việc phát hiện C còn 01 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 âm tính đề ngày 16/8/2021, Công an phường lập biên bản phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, T và C còn khai nhận: T đã làm giúp C 03 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 giả trước đó với giá 300.000đ, C đã sử dụng xong và vứt bỏ.

Vật chứng: 02 phiếu xét nghiệm vi sinh đề các ngày 13 và 16 tháng 8 năm 2021 có nội dung âm tính Covid – 19; 01 điện thoại di động Samsung A11; Điện thoại di động Oppo của T đã bị người yêu đập bỏ nên không thu hồi được.

Căn cứ kết luận giám định số 358/GĐ-PC09 ngày 18/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “*M.S.D.N 3700775456 C.T.T.N.H.H * TP.D – T. BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA N” trên 02 “Phiếu xét nghiệm vi sinh” đề các ngày 13 và 16 tháng 8 năm 2021 (ký hiệu A1 và A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra và được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 358/GĐ-PC09 ngày 18/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Đối với 02 phiếu xét nghiệm vi sinh đề các ngày 13 và 16 tháng 8 năm 2021 có nội dung âm tính Covid – 19 là chứng cứ trong vụ án, cần lưu trữ trong hồ sơ.

Đối với điện thoại di động Samsung A11 thu giữ của bị cáo Lê Giảng C, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 phiếu xét nghiệm vi sinh giả bị hư bị cáo C đã vứt bỏ, điện thoại di động Oppo của bị cáo T đã bị người yêu đập bỏ, không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 100.000đ thu lợi bất C cần buộc bị cáo Tạ Thị T nộp đề sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với người thanh niên Shipper làm giả giấy xét nghiệm Covid – 19 cho T và người phụ nữ giao giấy xét nghiệm giả cho bị cáo C, hiện chưa rõ nhân thân, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 76/CT – VKS ngày 24 tháng 02 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Lê Giảng C và Tạ Thị T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c, khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 341; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Giảng C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm; xử phạt bị cáo Tạ Thị T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại di động Samsung A11 thu giữ của bị cáo Lê Giảng C; buộc bị cáo Tạ Thị T nộp lại 100.000đ thu lợi bất C để sung Ngân sách Nhà nước.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, các bị cáo và

người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản đầu thú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Ngày 11/8/2021, Tạ Thị T đã nhờ người thanh niên (chưa rõ nhân thân) làm giúp Lê Giảng C 02 giấy xét nghiệm vi sinh có nội dung âm tính với Covid-19. Đến ngày 12/8/2021, khi Lê Giảng C sử dụng giấy xét nghiệm giả để thông chốt kiểm dịch ở đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện. Hành vi của Lê Giảng C và Tạ Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” với tình tiết định khung “làm từ 02 con dấu, tài liệu” quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 76/CT – VKS ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an tại phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là tội phạm có tổ chức. Xét về vai trò cụ thể, bị cáo Lê Giảng C là người nhờ bị cáo T tìm người làm giúp giấy xét nghiệm Covid giả; bị cáo Tạ Thị T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo Tạ Thị T đầu thú; bị cáo Lê Giảng C là lao động C trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn được C quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người lao động có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Tạ Thị T hiện đang điều trị bệnh tim.

[8] Xử lý vật chứng: Xét điện thoại di động Samsung A11 thu giữ của bị cáo Lê Giảng C, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tạ Thị T thu lợi bất C là 100.000đ, cần buộc bị cáo nộp để sung Ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với 02 phiếu xét nghiệm vi sinh đề các ngày 13 và 16 tháng 8 năm 2021 có nội dung âm tính Covid – 19 là chứng cứ trong vụ án, cần lưu trữ trong hồ sơ.

[10] Đối với 01 phiếu xét nghiệm vi sinh giả bị hư bị cáo C đã vứt bỏ, điện thoại di động Oppo của bị cáo T đã bị bạn đập bỏ, không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[11] Đối với người thanh niên Shipper làm giả giấy xét nghiệm Covid – 19 cho T và người phụ nữ giao giấy xét nghiệm giả cho bị cáo C, hiện chưa rõ nhân thân, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[12] Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhưng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong thời gian áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nhu cầu đi lại buôn bán trong thời gian dịch bệnh Covid để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt gia đình hàng ngày. Do đó, việc không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

[13] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều là người lao động tự do có thu nhập không ổn định nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Mức hình phạt, xử lý vật chứng như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[15] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Giảng C và Tạ Thị T phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm d, khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 02/20218/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Giảng C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lê Giảng C và Tạ Thị T cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người đang chấp hành thời gian thử thách thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước điện thoại di động Samsung A11.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương).

- Buộc bị cáo Tạ Thị T nộp 100.000 (một trăm nghìn) đồng thu lợi bất chính để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Giảng C và Tạ Thị T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (02);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND nơi cư trú của các bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

Đỗ Thị Liễu

